

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: 78/2019/HNGĐ-ST

Ngày 29/11/2019

Về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Đức Chương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hứa Trường Sơn;
2. Ông Trịnh Thanh Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Đô, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Đêm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 118/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Sơn Chanh Sê R, sinh năm 1990; địa chỉ: Số nhà 389 khóm V, Phường 8, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* Chị Triệu Thị L, sinh năm 1995; địa chỉ: Số nhà 667 khóm C, Phường 8, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 02/5/2019 (BL 01) cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là anh Sơn Chanh Sê R trình bày:

Năm 2011, anh Sê R kết hôn với chị Triệu Thị L và được Ủy ban nhân dân Phường 8 cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/3/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh R chung sống tại số nhà 389 khóm V, Phường 8, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

Cuộc sống chung hạnh phúc được thời gian đầu, anh R với chị L đã có 02 con chung là cháu Sơn Thị Chanh Sô P (Nữ), sinh ngày 30/10/2012 và Sơn Thị Chanh Sô T (Nữ), sinh ngày 01/9/2014. Do bất đồng quan điểm làm phát sinh mâu thuẫn, chị L có biểu hiện không chung thủy và thiếu trách nhiệm gia đình nên mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng, vợ chồng đã không còn sống chung với nhau. Anh Sê R khẳng định các đương sự không thể khắc phục được tình trạng hôn nhân hiện nay, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Triệu Thị L.

Về con chung: Do cháu Sơn Chanh Sô P có nguyện vọng được sống cùng mẹ, anh R đồng ý để chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu P và cháu T, anh R sẽ cấp dưỡng cho con tùy thời điểm theo điều kiện thực tế của mình.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh R khẳng định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Chứng cứ do anh R giao nộp gồm: Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu, Giấy khai sinh của cháu Sô P và cháu Sô T (BL 02 - 10).

- Đối với bị đơn Triệu Thị L:

Dù được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo đã thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của anh R nhưng chị L không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình. Chị L còn vắng mặt không có lý do trong cả 02 phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp nêu trên cũng như việc thu thập được tài liệu, chứng cứ cho chị L và đưa vụ án ra xét xử. Phiên tòa ngày 20/11/2019, bị đơn L vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, chị L thống nhất với anh R về thời điểm kết hôn, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn, thời gian chung sống cũng như tình trạng cuộc sống chung hiện nay; chị L cũng thống nhất với ý kiến của anh R đã trình bày về con chung, tài sản và nợ chung. Chị Triệu Thị L xác định không còn tình cảm với anh R, không có nguyện vọng đoàn tụ, không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì và thuận tình ly hôn với anh R; yêu cầu được quyền nuôi cả 02 con chung, không yêu cầu anh R cấp dưỡng cho con vì chị L cũng có thu nhập ổn định.

- Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được là: Biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh tranh chấp, điều kiện của các đương sự; tình trạng phát triển của các con anh R - chị L, lời khai nguyện vọng của cháu Sơn Thị Chanh Sô P và việc giao nhận văn bản tố tụng của Tòa án đối với bị đơn Triệu Thị L (BL 26, 30, 56).

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh R, cho anh R ly hôn với chị L; giao cho chị L được nuôi dưỡng cả 02 con chung; anh R không phải cấp dưỡng cho con; không xem xét, giải quyết về tài sản và nợ chung do không có yêu cầu; quyết định nghĩa vụ chịu án phí đối với các đương sự, theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Anh Sê R khởi kiện, yêu cầu ly hôn với chị L và giải quyết quyền nuôi con chung. Yêu cầu này của anh R được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (Sau đây gọi là Luật hôn nhân và gia đình); thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết:

- Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu, Giấy khai sinh của cháu P, cháu T cũng như ý kiến thừa nhận của chị L và kết quả xác minh của Tòa án; đối chiếu với quy định tại điểm c Khoản 1, Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của anh R về việc kết hôn với chị Triệu Thị L, được Ủy ban nhân dân Phường 8 cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/3/2014 và vợ chồng đã có 02 con chung là sự thật. Vì vậy, giữa anh R và chị L đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp quy định tại Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định của pháp luật; trong đó có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình, sống chung với nhau, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội. Tuy nhiên, chỉ vì bất đồng quan điểm làm phát sinh mâu thuẫn, các đương sự không khắc phục được và không còn sống chung với nhau, không cùng nhau nuôi dạy con chung; người nào chỉ biết bỏn phận của người đó, không còn trách nhiệm với nhau. Chị L thuận tình ly hôn nên căn cứ Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh R với chị L quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Thời điểm xét xử vụ án, cháu Sơn Thị Chanh Sô P đã trên 07 tuổi, được học tập ổn định và cháu Sơn Thị Chanh Sô T cũng đang sống cùng chị L; Ủy ban nhân dân Phường 8 khẳng định cháu P, cháu T phát triển tốt về thể chất cũng như trí tuệ, chính quyền địa phương không phải hỗ trợ, bảo vệ, chăm sóc các cháu (BL 26); đồng thời, cháu Sô P có nguyện vọng tiếp tục được sống với mẹ. Xét, việc bày tỏ ý chí của cháu P là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hay ép buộc; chị L có việc làm với thu nhập khoảng 4.000.000 đồng/tháng cũng đảm bảo cuộc sống và có điều kiện chăm sóc, giúp đỡ các con phát triển phù hợp hơn theo giới tính. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt được tốt hơn và tránh sự xáo trộn sinh hoạt, học tập của các cháu thì cần căn cứ Điều 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình giao cho chị L nuôi dưỡng cả 02 con chung; ghi nhận ý chí tự nguyện của chị L, không yêu cầu anh R cấp dưỡng cho con.

- Các đương sự tiếp tục khẳng định không có con chung cũng như tài sản và nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Anh R phải chịu 300.000 đồng theo điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 143, Khoản 3 Điều 144, Khoản 4 Điều 147, Điều 244, Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Sơn Chanh Sô R với chị Triệu Thị L.

2. Về quyền nuôi con chung: Giao cho chị Triệu Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung là cháu Sơn Thị Chanh Sô P (Nữ), sinh ngày 30/10/2012 và Sơn Thị Chanh Sô T (Nữ), sinh ngày 01/9/2014.

Trong thời gian chị L nuôi con, không ai được quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc và giáo dục của cha mẹ đối với con chung.

Ghi nhận ý chí tự nguyện của chị L, anh Sơn Chanh Sê R không phải cấp dưỡng cho con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của cháu P và cháu T, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con nếu có căn cứ hợp pháp.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự tiếp tục khẳng định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Sơn Chanh Sê R phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai số 0007925 ngày 06/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu. Như vậy, anh Sơn Chanh Sê R đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- UBND Phường 8;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu HSVA, VT.

CHU ĐÚC CHƯƠNG

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

CHU ĐỨC CHƯỜNG